TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/DS-ST
Ngày: 22 tháng 6 năm 2018
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Mạnh Tiến.

2. Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2017/TLST- DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: Số X, phố D, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ Chí C, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang.

(Quyết định ủy quyền số: 99/QĐ-BĐD ngày 20/10/2015 của Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang)

Địa chỉ: Số 5, đường Nguyễn Thị Lưu, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Đoàn Danh T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Đoàn Thị Thu T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

ĐKHKTT: Tổ dân phố S, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện tại: PC, Ký túc xá sinh viên tập trung (Cạnh bệnh viện Y học biển), phường F, quận C, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện,đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng chính sách xã hội do ông Vũ Chí C là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 05/11/2009, bà Phạm Thị T,sinh năm 1966 và chồng là Đoàn Danh T, sinh năm 1966, địa chỉ tại thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có giấy đề nghị vay số tiền 25.800.000 đồng để trang trải chi phí học tập cho con gái Đoàn Thị Thu T, sinh năm 1990. Ngày 16/11/2009, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang phê duyệt cho hộ bà Phạm Thị T, ông Đoàn Danh T vay số tiền 25.800.000 đồng, lãi suất 0.5%/ tháng, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn 84 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 26/11/2016. Qua trình vay vốn, bà T, ông T có đề nghị điều chỉnh mức vay. Tính đến ngày 26/3/2012, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang đã giải ngân cho hộ gia đình bà T số tiền 27.600.000 đồng. Theo sổ vay vốn ký giữa Ngân hàng và hộ gia đình bà T thì ban đầu, bà Phạm Thị T là người đại diện đứng tên vay vốn, mã món vay: 6000001300000508; người thừa kế là ông Đoàn Danh T. Ngày 22/12/2010, ông T, bà T đề nghị thay đổi để ông Đoàn Danh T đại diện gia đình đứng sổ vay và giao dịch với Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang. Ngày 23/10/2012, bà T lại đề nghị thay đổi người đại diện đứng sổ vay là bà Phạm Thị T. Theo sổ vay vốn hạn trả nợ là ngày 26/11/2016. Ngày 22/8/2016, bà Phạm Thị T có đơn đề nghị gia hạn nợ đến 05/8/2018. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang có văn bản phê duyệt gia hạn nợ 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 22/8/2017. Đến hạn, bà T, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 22/6/2018, bà T và ông T còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội tổng số tiền 33.843.933 đồng, trong đó nợ gốc là 27.600.000 đồng, nợ lãi 6.243.933 đồng.

Bà Phạm Thị T và ông Đoàn Danh T đã ly hôn, không còn ở địa chỉ trong hồ sơ vay vốn. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã D (nay là phường D) thành phố B, tổ chức hội nhận ủy thác đôn đốc nhiều lần nhưng gia đình bà Phạm Thị T, ông Đoàn Danh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Để thu hồi tài sản cho Nhà nước, yêu cầu bà Phạm Thị T và ông Đoàn Danh T phải trả Ngân hàng chính sách xã hội số tiền nợ gốc là 27.600.000 đồng, nợ

lãi tạm tính đến ngày 22/6/2018 là 6.243.933 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2017 bị đơn bà Phạm Thị T trình bày: Bà xác nhận bà và ông Đoàn Danh T trong thời kỳ hôn nhân có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang số tiền là 27.600.000 đồng để cho con Đoàn Thị Thu T, sinh năm 1990 đi học Đại học. Năm 2014, ông Đoàn Danh T và bố đẻ ông T là ông Đoàn Hữu D có cầm của bà 32.000.000 đồng. Đây là số tiền chị Nguyễn Thị P trả riêng cho bà. Ông T và ông D lấy số tiền đó để nộp dự phí chia tài sản tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Nay ông T và ông D rút đơn khởi kiện và được Tòa án quyết định trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí. Bà yêu cầu Tòa án buộc cá nhân ông T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang, chuyển toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà ông D và ông T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B để trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2017, bị đơn là ông Đoàn Danh T trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà Phạm Thị T có vay của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang số tiền 27.600.000 đồng để cho con chung Đoàn Thị Thu T ăn học. Khi ông và bà T ly hôn, ông có bàn bạc với bà T về việc thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng bà T không nhất trí. Ông không có ý kiến gì, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý cùng bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang số nợ gốc 27.600.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 11/10/2017 là 4.562.708 đồng và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên, hoàn cảnh kinh tế của ông hiện nay rất khó khăn, không có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng. Ông và bà T cũng không thể thương lượng gì với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đây là khoản nợ của ông và bà T tự nguyện vay cho cháu Trang đi học, ông và bà T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, ông không có yêu cầu chị T có nghĩa vụ đối với khoản vay trên. Ông T xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Tại Bản tự khai, đơn đề nghị ngày 15/4/2018, chị Đoàn Thị Thu T trình bày: Chị đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác của Tòa án. Chị không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng. Bố mẹ chị là người đứng ra vay vốn của Ngân hàng thì sẽ có trách nhiệm trả Ngân hàng. Bản thân chị chưa có công ăn việc làm nên không có thu nhập, tài sản để trả nợ cho Ngân hàng. Chị xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình tố tụng cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, tổ chức phiên đối chất, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T, ông T, chị T đều vắng mặt.

Tại phiên toà, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vũ Chí C có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày tại bản tự khai.

Ông Đoàn Danh T và chị Đoàn Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Phạm Thị T có mặt tại phiên tòa và trình bày: Ông T là người phải có trách nhiệm trả bộ số tiền vay gốc và tiền lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội, do ông T không có trách nhiệm trong việc nuôi dậy con và trong thời kỳ hôn nhân ông T đã đánh dập bà đến mức phải đi điều trị tại bệnh viện. Hiện bà không còn khả năng lao động, do vậy ông T phải có trách trả bộ số tiền vay gốc và tiền lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Phạm Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 90, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điêu 25 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội.

Buộc bà Phạm Thị T và ông Đoàn Danh T phải trả Ngân hàng chính sách xã hội tổng số tiền tính đến hết ngày 22/6/2018 là 33.843.933 đồng (trong đó tiền nợ gốc 27.600.000 đồng, nợ lãi 6.243.933 đồng) theo món vay mã số 6000001300000508 và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

Về án phí: Bà Phạm Thị T và ông Đoàn Danh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn Đoàn Danh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt họ là đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp*: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng chính sách xã hội và bà Phạm Thị T, ông Đoàn Danh T là quan hệ giữa pháp nhân với cá nhân không có đăng ký kinh doanh, không vì mục đích lợi nhuận. Hạn trả nợ cuối cùng

theo thỏa thuận là 22/8/2017. Tuy nhiên, bà T, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện tại Tòa án. Đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và tại Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

[3]. *Về yêu cầu của nguyên đơn*: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đủ cơ sở khẳng định: bà Phạm Thị T, ông Đoàn Danh T có ký hợp đồng vay vốn theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên hoàn cảnh khó khăn. Các bên có thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất vay, thời hạn thanh toán. Bà T và ông T đã được Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang giải ngân đủ số tiền gốc 27.600.000 đồng. Các đương sự đều không có ý kiến gì về việc ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng, về số nợ phải thanh toán. Do đó, việc Ngân hàng trình bày bà T, ông T còn nợ tổng số tiền 33.843.933 đồng tính đến ngày 22/6/2018 là đúng (trong đó nợ gốc là 27.600.000 đồng, nợ lãi là 6.243.933 đồng).

[4]. Bà Phạm Thị T và ông Đoàn Danh T kết hôn năm 1989. Ngày 30/12/2011 thì ly hôn theo Quyết định đình chỉ phúc thẩm số 05/2011/QĐ-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và Bản án số 24/2011/HNGĐ ngày 19/7/2011 của Tòa án nhân dân thành phố B. Ông T và bà T đã ký hồ sơ vay vốn năm 2009, tức trong thời kỳ hôn nhân, thay nhau đứng tên người đại diện vay vốn, sử dụng vốn vay đúng mục đích chung của vợ chồng để cho con đi học Đại học, nên đây là khoản nợ chung của bà T bà ông T trong thời kỳ hôn nhân chưa chia. Ông T và bà T không ý kiến gì về số nợ gốc, lãi. Ngân hàng đồng ý gia hạn thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 22/8/2017 nhưng bà T và ông T không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ tại mục 2.2 khoản 2 của Sổ vay vốn về lịch trả nợ gốc, lãi và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu buộc bà T, ông T phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi. Mỗi người phải chịu trách nhiệm trả ½ số nợ. Cụ thể bà T và ông T mỗi người phải trả 13.800.000 đồng tiền gốc, tiền lãi 3.121.966 đồng tính đến ngày 22/6/2018 và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

[5]. Việc bà T trình bày ông Đoàn Danh T và bố đẻ ông T là ông Đoàn Hữu D có giữ của bà số tiền 32.000.000 đồng vào năm 2014 nên ông T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang, đề nghị Tòa án chuyển toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà ông T và ông D được trả lại tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B sang Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang để trả nợ là không có cơ sở chấp nhận. Quan hệ giữa bà T với ông T, ông D về số tiền 32.000.000 đồng là quan hệ dân sự khác, không liên quan tới nội dung vụ án này, do đó Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu có yêu cầu, bà T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6]. Đối với chị Đoàn Thị Thu T là sinh viên được bố mẹ vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội cho đi học. Theo nội dung các bên thỏa thuận trong sổ vay vốn, không thỏa thuận người thụ hưởng là sinh viên có nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 1, mục I của Công văn số 2162A/NHCS-TD ngày 02/10/2007 của Ngân hàng chính sách xã hội hướng dẫn thực hiện cho vay vốn đối với học sinh, sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định: " Chủ hộ là người đại diện cho hộ gia đình trực tiếp vay vốn và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội...", do vậy không có căn cứ buộc chị T có trách nhiệm trả nợ cùng bà T, ông T.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Phạm Thị T và ông Đoàn Danh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 90, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 25 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng chính sách xã hội.

2. Buộc bà Phạm Thị T và ông Đoàn Danh T phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tính đến ngày 22/6/2018 tiền nợ gốc là 27.600.000 đồng, nợ lãi là 6.243.933 đồng. Tổng cộng là 33.843.933 đồng(Ba mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm ba mươi ba đồng) theo món vay mã số 6000001300000508. Cụ thể:

- Bà Phạm Thị T phải trả 13.800.000 đồng tiền gốc và 3.121.966 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 16.921.966 đồng (Mười sáu triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng).

- Ông Đoàn Danh T phải trả 13.800.000 đồng tiền gốc và 3.121.966 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 16.921.966 đồng (Mười sáu triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh thoán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng

cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4.Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 846.000 đồng, ông Đoàn Danh T phải chịu 846.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đang thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- VKSND TP. Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tú